

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 149, Điều 396 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1689/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 15 Nguyễn Giao, tổ 2, khu phố A, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 15 Nguyễn Giao, tổ 2, khu phố A, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ông H và bà L đăng ký kết hôn ngày 07/12/1984 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của hai bên nên Tòa án chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông H và bà L xác định có 04 (bốn) con chung tên I, sinh ngày 26/9/1985; L, sinh ngày 12/8/1987; M, sinh ngày 14/5/1992; N, sinh ngày 01/01/1999. Con chung đã thành niên.

[3] Về tài sản chung: Ông H và bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông H và bà L xác định không có. Do đó, Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông H và bà L chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 513/CNKH, quyển số 01/1984 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/1984 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông H và bà L có 04 (bốn) con chung I, sinh ngày 26/9/1985; L, sinh ngày 12/8/1987; M, sinh ngày 14/5/1992; N, sinh ngày 01/01/1999. Con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông H và bà L chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông H và bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0020349 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

#### **THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hồng Thủy**